CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Xi măng VICEM Hải Vân

Ngày 30/06/2025	2,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-4.6%**	**-5.3%**

DT thuần
Q2/25
126
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 41.2| 48.1%
YoY: ▲ 28.9| 29.4%

LN thuần
Q2/25
1.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.12| 146%
YoY: ▲ 10.8| 114%

LN sau thuế
Q2/25
-9.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.20| 30.6%
YoY: ▼0.02| -0.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-6.9%
YoY: +/-▲ 8.3%

ROE (TTM)
Q2/25
-11.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

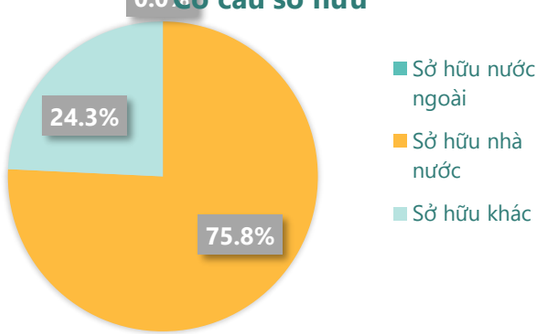
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	2,400 - 2,870
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	104
Số lượng CPLH (CP)	41,525,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,385
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.55
EPS	-909
P/E	-2.7

DT thuần
6T 2025
210
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 58.0| 38.5%

LN thuần
6T 2025
-1.52
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 28.1| 94.9%

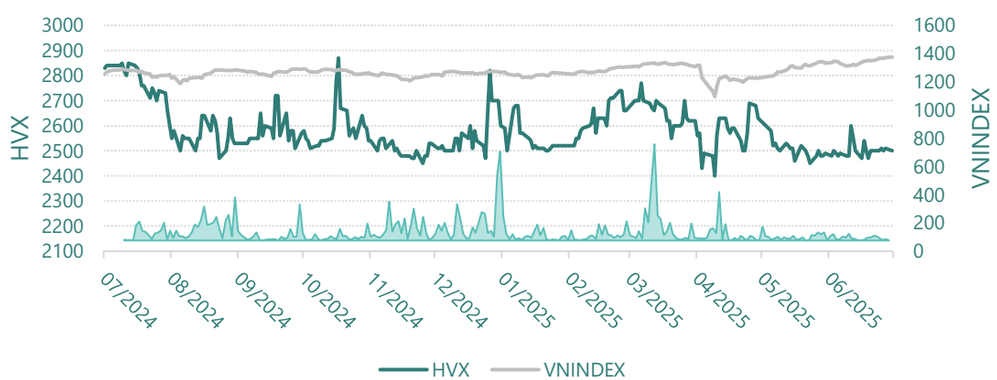
LN sau thuế
6T 2025
-23.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.40| 21.5%

Cơ cấu sở hữu

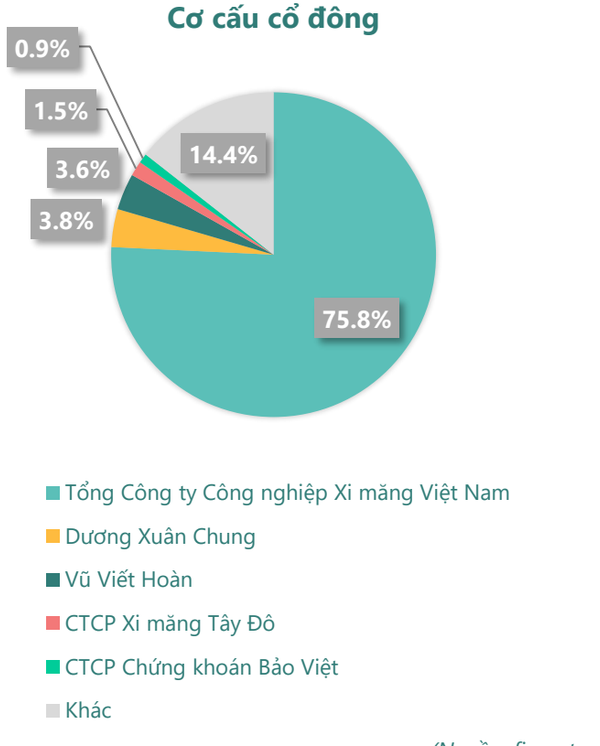


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



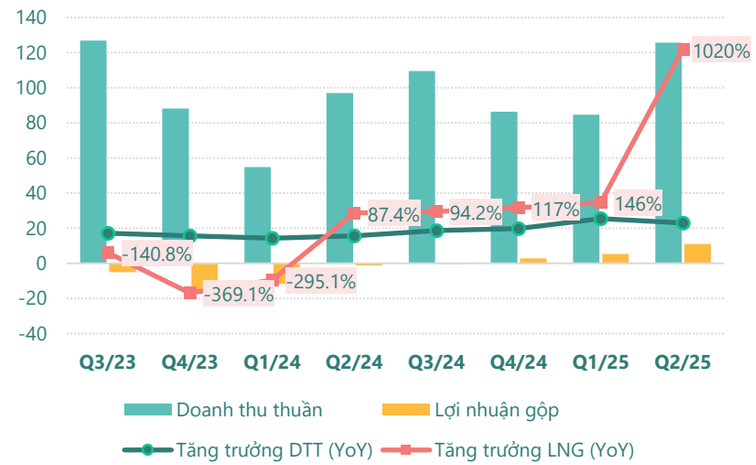
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

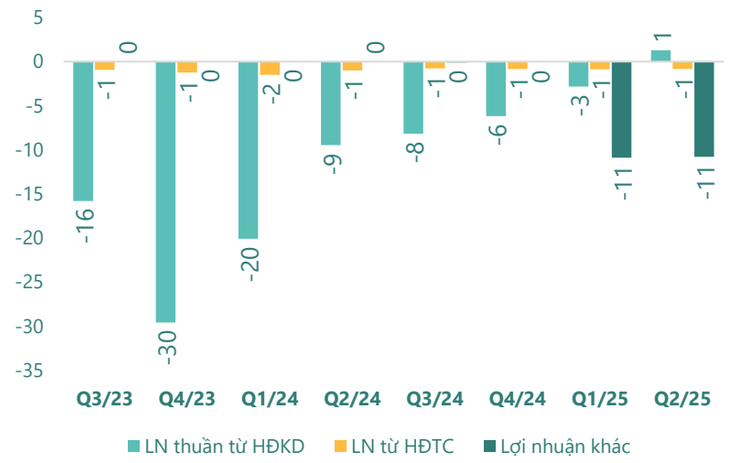
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



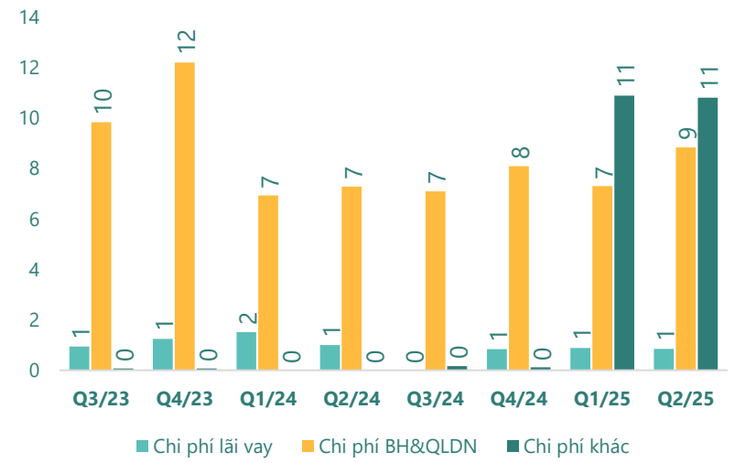
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



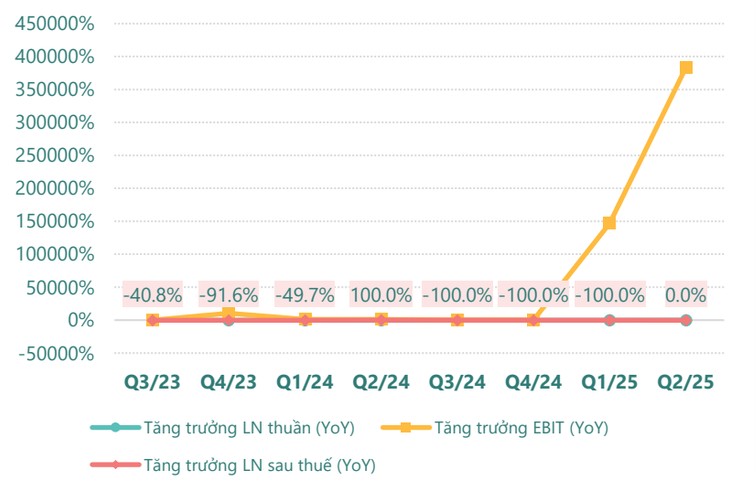
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



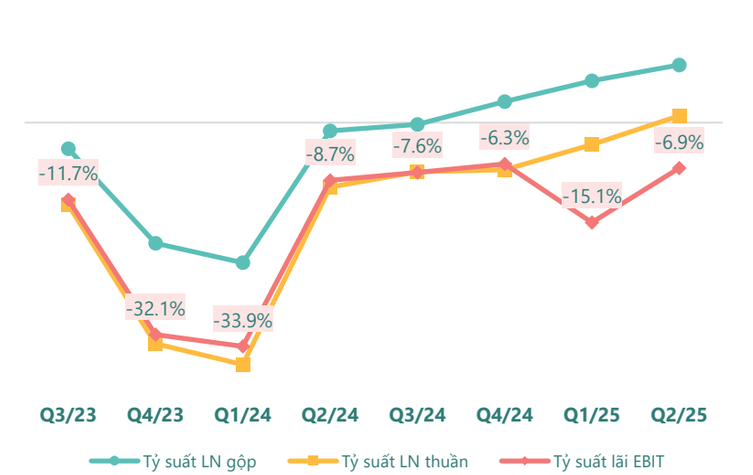
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



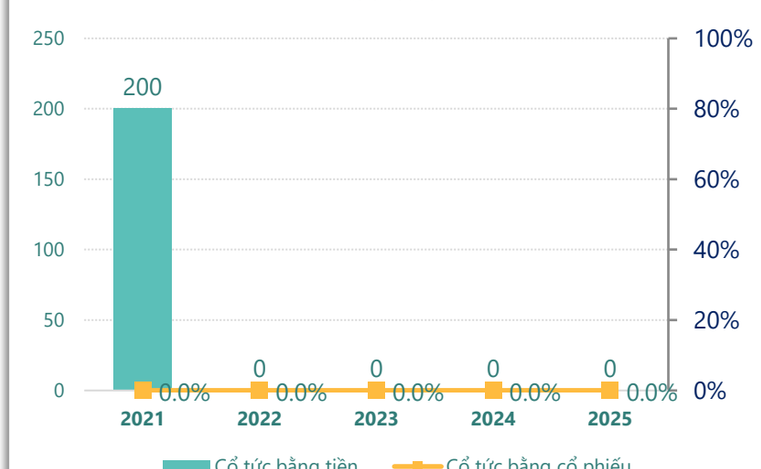
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

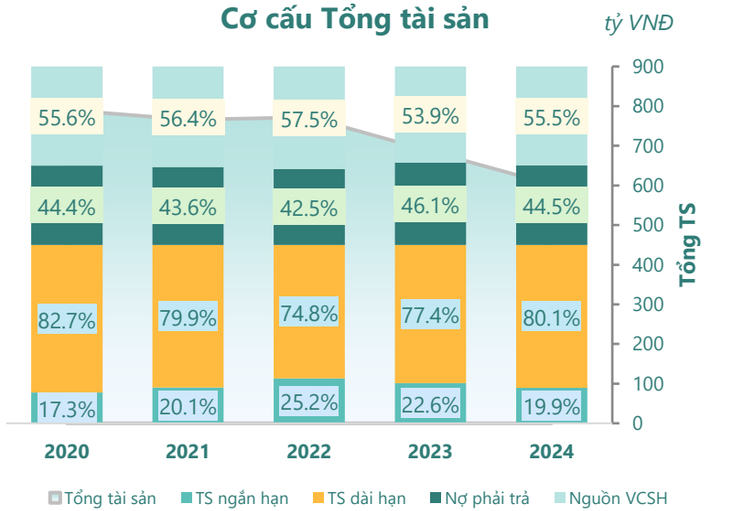
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

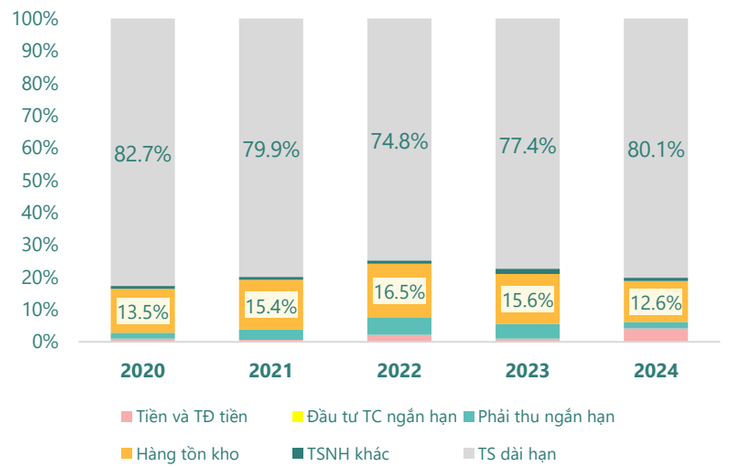
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



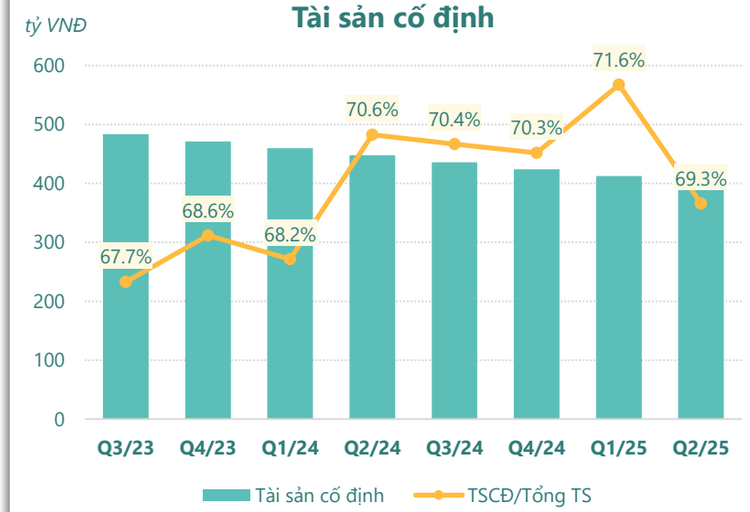
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



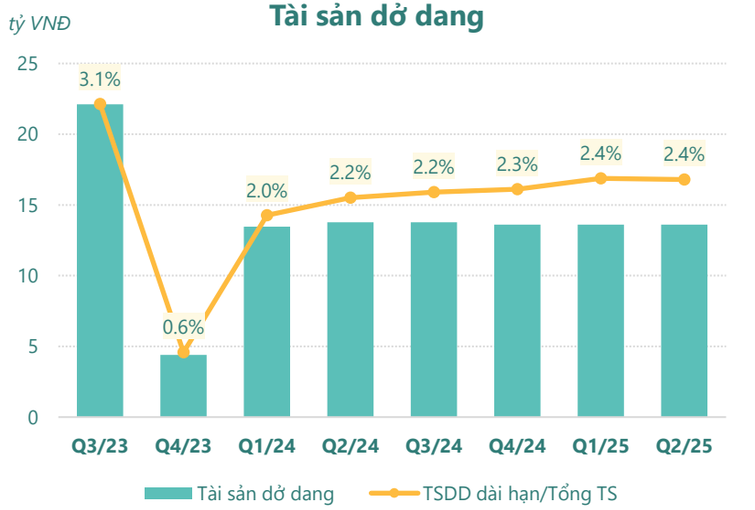
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



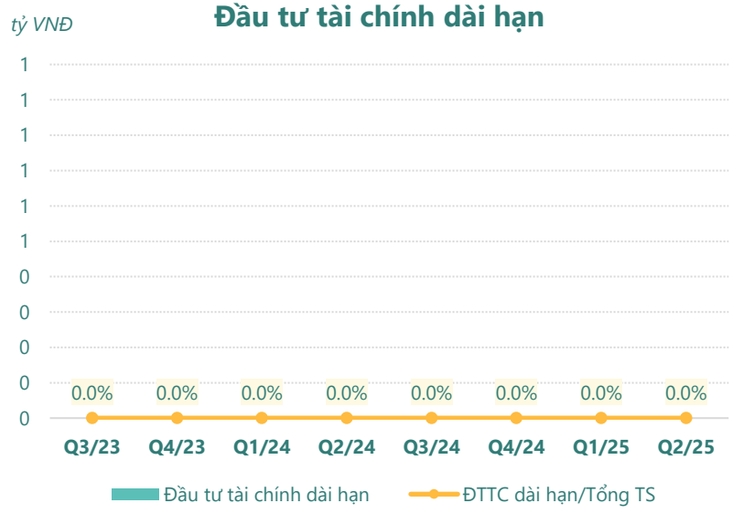
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



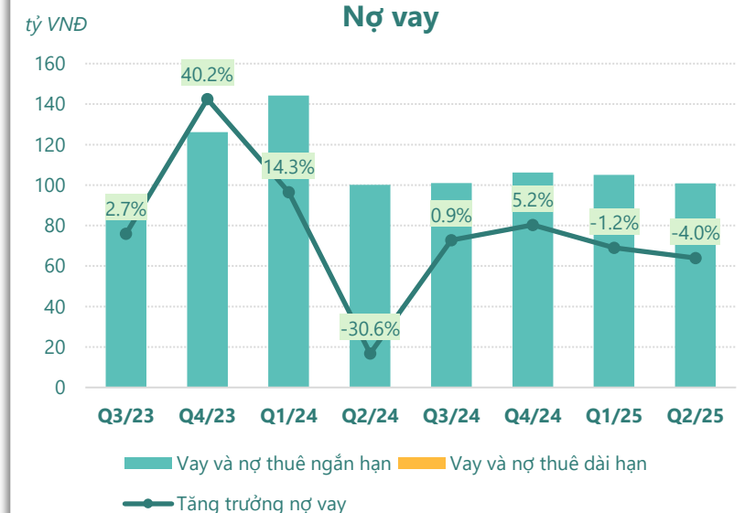
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

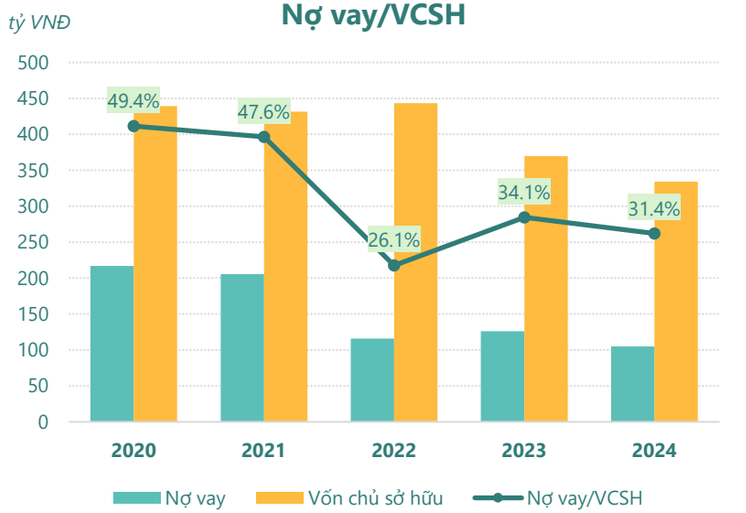
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

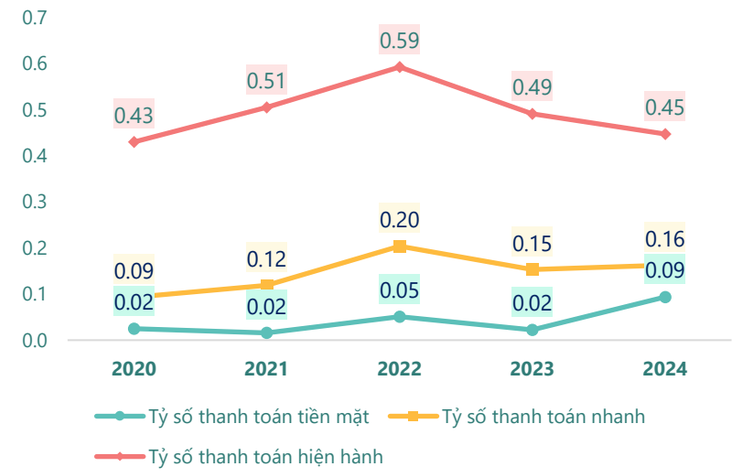
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



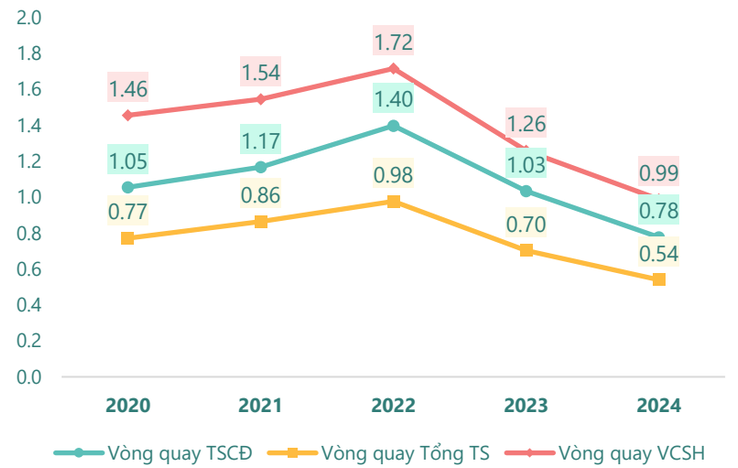
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



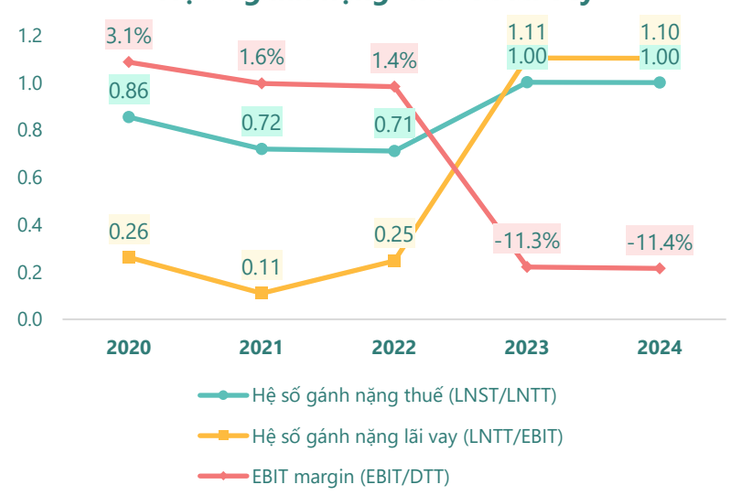
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



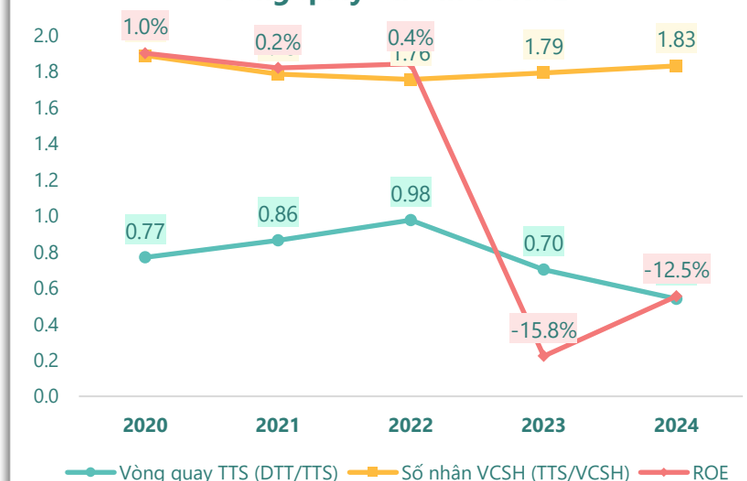
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



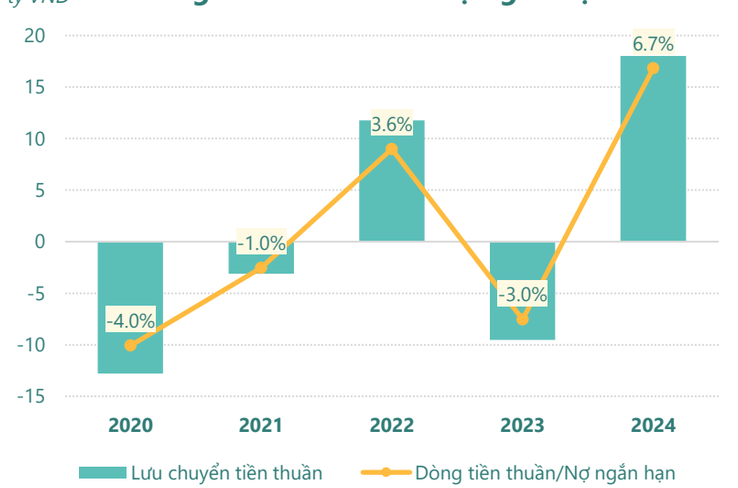
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**126**	**97.1**	**29.4%**	**210**	**152**	**38.5%**
Giá vốn hàng bán	115	98.3	16.6%	194	165	17.8%
Lợi nhuận gộp	11.0	-1.19	1023%	16.4	-12.8	227%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00		0.02	0.01	180%
Chi phí TC	0.85	1.01	-15.9%	1.74	2.52	-31.1%
Chi phí lãi vay	0.85	1.01	-15.9%	1.74	2.52	-31.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.08	0.79	36.8%	1.86	1.25	48.7%
Chi phí QLDN	**7.77**	**6.49**	**19.6%**	**14.3**	**13.0**	**10.1%**
LN thuần từ HĐKD	1.30	-9.48	114%	-1.52	-29.6	94.9%
Lợi nhuận khác	**-10.8**	**0.01**	**-108123%**	**-21.7**	**0.00**	**-762236%**
LN trước thuế	-9.50	-9.48	-0.2%	-23.2	-29.6	21.5%
Lợi nhuận sau thuế	**-9.50**	**-9.48**	**-0.2%**	**-23.2**	**-29.6**	**21.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-9.50**	**-9.48**	**-0.2%**	**-23.2**	**-29.6**	**21.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.34	35.7	7.71	3.36	-4.87	7.52
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.28	-0.29	0.26	-0.24	0.01	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.0	-44.1	0.93	5.22	0	-4.22
Tiền đầu kỳ	7.05	16.5	7.82	16.7	25.1	20.2
Lưu chuyển tiền thuần	**9.41**	**-8.64**	**8.90**	**8.34**	**-4.86**	**3.27**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.5	7.82	16.7	25.1	20.2	23.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**578**	**602**	**-4.0%**
Tài sản ngắn hạn	121	120	1.4%
Tiền và tương đương tiền	23.5	25.1	-6.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	24.0	11.9	101%
Hàng tồn kho	69.7	76.2	-8.4%
Tài sản ngắn hạn khác	4.14	6.46	-35.9%
Tài sản dài hạn	**457**	**483**	**-5.3%**
Phải thu dài hạn	0.83	0.78	7.1%
Tài sản cố định	400	424	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.6	13.6	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**41.9**	**44.3**	**-5.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	267	268	-0.3%
Nợ ngắn hạn	**267**	**268**	**-0.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	101	105	-4.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	125	125	-0.2%
Nợ dài hạn	0.68	0.62	8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**311**	**334**	**-7.0%**
Vốn chủ sở hữu	**311**	**334**	**-7.0%**
Vốn điều lệ	415	415	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)